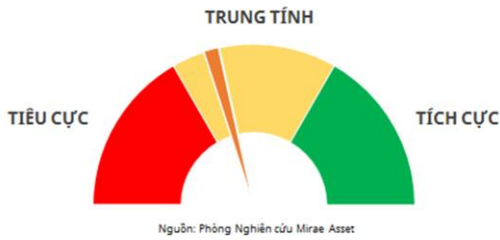


### Thang đo sức mạnh thị trường



31 Tháng Tám 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,331.47	0.25	1.64	51.02
HNX	342.81	0.44	8.88	174.58
UPCOM	93.77	0.59	7.87	59.42
MSCI EM	1,285.39	1.00	0.59	16.69
NIKKEI	28,089.54	1.08	2.95	21.39
HANG SENG	25,878.99	1.33	-0.32	2.79
KOSPI	3,199.27	1.75	-0.10	37.53
FTSE	7,141.07	-0.10	1.55	19.74
S&P 500	4,528.79	0.43	3.04	29.38
NASDAQ	15,265.89	0.90	4.04	29.64

## Nhận định thị trường

### Thu hẹp khoảng cách với ngưỡng kháng cự mạnh 1,340 điểm

Dòng tiền tiếp tục lan tỏa ra nhiều nhóm ngành khác đã giúp cho VN-Index tiếp tục giữ được sắc xanh, kết phiên VN-Index đóng cửa lại ngưỡng 1,331 điểm, tăng 3,33 điểm và 0,25% DoD. Thanh khoản có phần cải thiện hơn so với phiên trước đó khi ghi nhận hơn 710 triệu đơn vị khớp lệnh sàn HOSE, tăng 11% so với phiên trước.

Trong phiên hôm nay, nhóm ngân hàng và chứng khoán chịu áp lực điều chỉnh với hầu hết cổ phiếu đều giảm điểm. Thay vào đó nhóm cổ phiếu bất động sản và xây dựng đã hỗ trợ cho đà tăng của thị trường với nhiều mã ghi nhận mức tăng tích cực như: HDC, DIG, PDR, NVL, CTD. Còn đối với nhóm được phẩm sau phiên tăng ấn tượng trước đó đã xuất hiện áp lực chốt lời ở nhiều mã như là DCL, IMP, ...

Một điểm sáng tích cực cho thị trường là giá trị bán ròng của khối ngoại có phần suy giảm khi chỉ ghi nhận tổng giá trị bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX ở mức 103 tỷ đồng. MSN và VHM là hai mã đứng đầu danh sách bán ròng với giá trị lần lượt đạt 258 tỷ và 113 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, THD được mua ròng hơn 81 tỷ đồng ở sàn HNX trong phiên ngày hôm nay.

Mặc dù vẫn giữ được sắc xanh, tuy nhiên điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index cũng đang duy trì ở mức đánh giá TRUNG TÍNH với điểm số là -2 điểm. P/E hiện tại đang ở mức 16,0x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	7	<b>KHẢ QUAN</b>
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	7	<b>KHẢ QUAN</b>
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	4	<b>KHẢ QUAN</b>

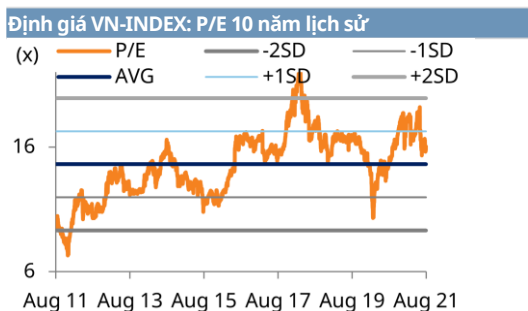
(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.03	2.58	16.27
SET INDEX	20.16	1.78	7.58
JCI INDEX	NA	1.71	-6.16
PCOMP INDEX	22.99	1.68	7.53

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.84	0	-22	-87
10 năm	2.06	0	-12	-82

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,784	-0.02	0.75	1.68
US\$/KRW	1,159	0.63	-0.73	2.45
US\$/JPY	110	0.06	-0.49	-3.59
US\$/EUR	0.85	-0.26	0.38	0.92
US\$/GBP	0.73	-0.11	0.79	-2.95
US\$/SGD	1.34	0.14	0.69	1.24

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	861	946	624
HNX	130	158	89
UPCOM	78	73	40



Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (31/08/2021)	1.331,4	Kháng cự 1 <b>1.380</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 <b>1.420</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.300</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.270</b>

VN-Index tiếp tục duy trì đà tiếp cận với ngưỡng kháng cự mạnh trong ngắn hạn quanh vùng 1,340 điểm.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

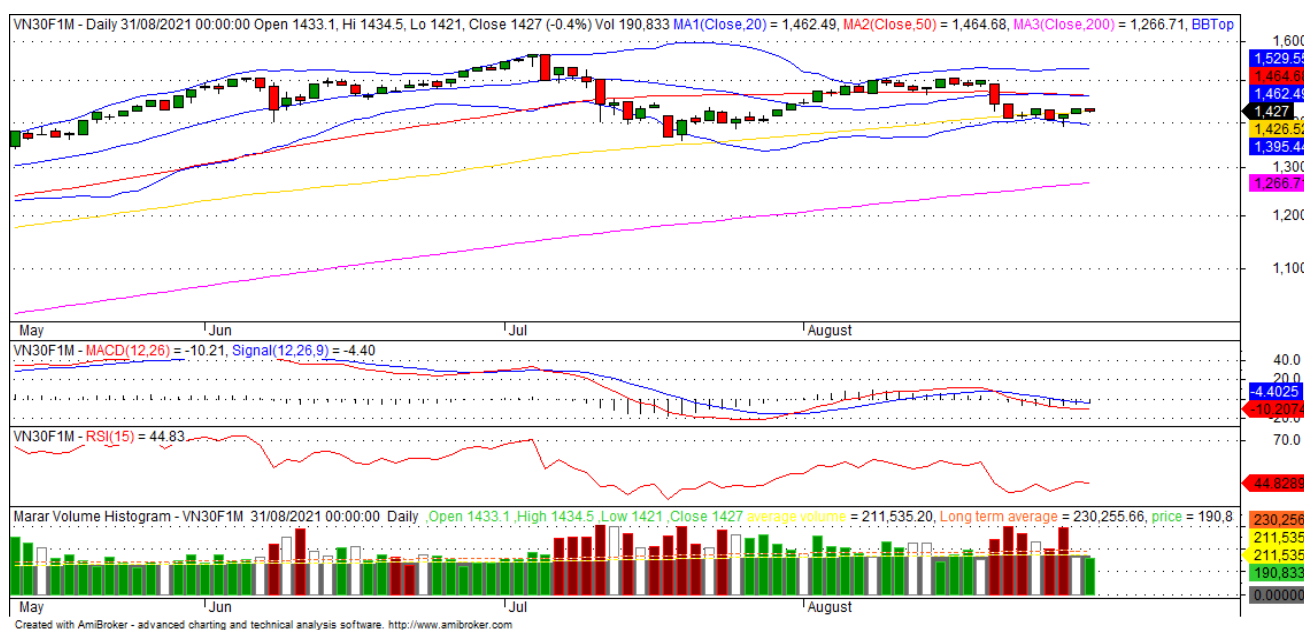
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (31/08/2021)	1.427	Kháng cự 1 <b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2 <b>1.550</b>
VN30 - đóng cửa	1.428.6	Hỗ trợ 1 <b>1.450</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-1,66</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.400</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart ngày)	-2	<b>TRUNG TÍNH</b>

VN30F1M đang tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh đường MA 200 ngày.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

**ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG**

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.75	7,574,535	4	KHẢ QUAN	5,267	12.9	1.1
ACB	32	10,934,075	-4	TIÊU CỰC	86,462	8.9	2.1
AGR	16.5	4,084,695	0	TRUNG TÍNH	3,498	10.0	1.5
ASM	15.95	5,132,735	5	KHẢ QUAN	4,129	10.1	0.9
BCG	17.65	5,675,905	4	KHẢ QUAN	5,252	5.6	1.4
BID	38.95	2,129,580	-4	TIÊU CỰC	156,658	15.8	1.9
BII	15.6	3,550,965	7	KHẢ QUAN	900	8.8	1.5
BSI	27.8	1,972,045	0	TRUNG TÍNH	3,380	12.4	2.0
BSR	18.4	13,841,315	-2	TRUNG TÍNH	57,049	#N/A N/A	1.8
BVH	57	1,058,015	5	KHẢ QUAN	42,312	22.6	2.0
CII	17.7	3,037,855	0	TRUNG TÍNH	4,228	256.2	0.9
CTG	31.8	15,642,280	-4	TIÊU CỰC	152,823	9.3	1.6
CTR	83	1,032,260	-2	TRUNG TÍNH	7,713	27.6	7.3
CTS	29.4	2,317,555	2	TRUNG TÍNH	3,128	11.0	2.0
DBC	61.8	2,829,160	6	KHẢ QUAN	7,122	5.8	1.5
DCM	25	6,609,540	3	TRUNG TÍNH	13,235	21.4	2.0
DDV	21	4,486,690	6	KHẢ QUAN	3,068	107.7	2.4
DGC	118	1,197,905	5	KHẢ QUAN	20,187	20.1	4.5
DIG	34.9	15,092,230	3	TRUNG TÍNH	14,305	19.0	3.0
DPG	41.6	1,294,405	4	KHẢ QUAN	2,621	8.5	2.2
DPM	36.8	7,073,885	0	TRUNG TÍNH	14,401	12.7	1.7
DRC	34.7	3,277,335	2	TRUNG TÍNH	4,122	12.1	2.4
DXG	22.2	6,744,235	-2	TRUNG TÍNH	11,506	14.0	1.4
FCN	13.55	3,902,250	2	TRUNG TÍNH	1,700	12.1	0.8
FIT	18.8	12,868,795	-4	TIÊU CỰC	4,789	34.7	1.5
FLC	10.7	15,457,165	-2	TRUNG TÍNH	7,597	4.2	0.8
FPT	92.4	2,996,455	-2	TRUNG TÍNH	83,850	21.8	5.0
FRT	41.2	2,843,320	-2	TRUNG TÍNH	3,254	48.9	2.6
FTS	55.5	1,015,275	0	TRUNG TÍNH	8,190	15.4	3.2
GAS	89.4	1,165,295	-2	TRUNG TÍNH	171,107	21.9	3.7
GEX	24.15	10,257,515	-1	TRUNG TÍNH	18,866	12.8	1.5
GMD	51.6	4,650,375	4	KHẢ QUAN	15,551	38.0	2.5
GVR	38.75	6,664,120	4	KHẢ QUAN	155,000	32.8	3.2
HAH	60	2,321,145	3	TRUNG TÍNH	2,844	13.5	2.5
HBC	14.75	6,003,685	-2	TRUNG TÍNH	3,405	23.2	0.9
HCM	54.6	6,934,525	-2	TRUNG TÍNH	16,655	18.8	3.5
HDB	25.95	2,635,080	-5	TIÊU CỰC	51,698	9.8	2.0
HDC	65.9	940,685	5	KHẢ QUAN	5,479	18.6	4.3
HDG	56.4	2,535,655	-2	TRUNG TÍNH	9,229	13.2	2.7
HHV	21.8	6,813,995	6	KHẢ QUAN	5,829	37.4	0.9
HPG	49.3	25,710,976	-2	TRUNG TÍNH	220,515	8.8	3.0
HSG	39.9	11,059,660	4	KHẢ QUAN	19,514	5.2	2.0
HT1	21.5	3,358,390	4	KHẢ QUAN	8,203	13.0	1.5
IDC	40.1	3,589,015	7	KHẢ QUAN	12,000	23.6	3.1
IJC	28.3	8,159,280	2	TRUNG TÍNH	6,144	8.1	1.9
ITA	7.15	8,660,475	7	KHẢ QUAN	6,709	37.9	0.6
KBC	42.85	13,165,575	7	KHẢ QUAN	20,012	23.7	1.9
KDC	60	2,179,750	0	TRUNG TÍNH	13,725	26.7	2.3
KDH	39.75	3,646,330	-2	TRUNG TÍNH	24,768	20.2	2.9
KSB	31.8	3,168,615	4	KHẢ QUAN	2,331	9.3	1.4
LCG	16.85	6,489,650	4	KHẢ QUAN	1,942	5.3	1.1
LPB	23.05	10,389,350	-2	TRUNG TÍNH	27,743	10.4	1.8

MBB	27.9	17,135,444	-5	TIÊU CỰC	105,415	10.1	2.0
MBS	35.2	4,099,685	-2	TRUNG TÍNH	9,420	18.8	3.1
MSN	135	1,430,260	2	TRUNG TÍNH	159,372	75.5	7.5
MWG	111	1,064,100	-2	TRUNG TÍNH	79,133	17.3	4.3
NDN	22.5	2,474,430	0	TRUNG TÍNH	1,612	4.5	1.7
NKG	38.45	8,822,750	5	KHẢ QUAN	8,397	5.7	1.8
NLG	43.5	3,536,800	0	TRUNG TÍNH	12,409	11.1	1.9
NTL	36.5	2,521,580	5	KHẢ QUAN	2,226	7.3	1.9
NVL	104.4	2,899,400	2	TRUNG TÍNH	153,844	29.0	4.6
PAN	28.2	2,717,740	-4	TIÊU CỰC	5,891	26.6	1.6
PC1	34.7	2,839,430	5	KHẢ QUAN	6,634	14.4	1.6
PDR	87.9	3,404,175	0	TRUNG TÍNH	42,787	30.3	7.7
PET	27.5	4,093,880	4	KHẢ QUAN	2,472	12.9	1.5
PLX	49.7	1,616,480	-2	TRUNG TÍNH	61,818	16.1	2.6
POW	11.85	10,582,360	4	KHẢ QUAN	27,751	10.9	0.9
PVD	19.45	6,744,450	2	TRUNG TÍNH	8,191	882.8	0.6
PVS	25.9	12,212,665	-2	TRUNG TÍNH	12,379	22.3	1.0
PVT	22.6	6,636,405	4	KHẢ QUAN	7,315	9.7	1.5
REE	66	1,273,125	7	KHẢ QUAN	20,397	11.4	1.7
SBS	15.5	5,027,330	0	TRUNG TÍNH	1,963	1,708.9	9.5
SBT	22.6	5,665,355	4	KHẢ QUAN	13,948	21.1	1.8
SCR	10.95	10,901,715	0	TRUNG TÍNH	4,012	13.7	0.8
SHB	27.5	19,637,620	-6	TIÊU CỰC	52,953	14.2	2.0
SHS	39.4	7,735,440	0	TRUNG TÍNH	11,393	10.6	2.6
SMC	47.75	1,169,075	0	TRUNG TÍNH	2,909	3.1	1.3
SSI	61.8	15,609,890	-2	TRUNG TÍNH	40,474	21.9	3.6
STB	27.35	23,751,384	-4	TIÊU CỰC	51,561	14.2	1.6
SZC	48.4	1,732,765	3	TRUNG TÍNH	4,840	19.4	3.6
TCB	48.5	16,668,245	-4	TIÊU CỰC	169,988	10.5	2.0
TCH	19.5	7,143,310	3	TRUNG TÍNH	7,784	8.9	1.3
TLH	19.4	2,910,705	7	KHẢ QUAN	1,953	4.9	1.1
TNG	31.6	4,019,420	2	TRUNG TÍNH	2,513	14.3	2.0
TPB	34.1	4,535,955	-4	TIÊU CỰC	36,544	8.1	1.8
VCB	99.4	1,427,320	0	TRUNG TÍNH	368,662	18.0	3.5
VCI	60.2	6,451,805	-2	TRUNG TÍNH	20,047	13.7	3.8
VGC	35.8	2,563,640	4	KHẢ QUAN	16,051	17.1	2.5
VGT	20.4	6,221,185	4	KHẢ QUAN	10,200	35.8	1.6
VHC	49.55	2,696,745	4	KHẢ QUAN	9,015	12.3	1.7
VHM	106.4	12,721,200	-5	TIÊU CỰC	356,388	10.6	3.7
VIB	36.25	1,628,965	-6	TIÊU CỰC	56,301	9.7	2.7
VIC	94.1	2,595,830	-4	TIÊU CỰC	358,071	53.3	3.9
VIX	27.5	5,354,565	0	TRUNG TÍNH	3,512	5.0	1.6
VJC	126.5	907,470	6	KHẢ QUAN	68,514	436.0	4.0
VND	50.6	12,193,230	-4	TIÊU CỰC	21,709	10.1	2.2
VNM	87.4	3,478,640	-4	TIÊU CỰC	182,662	19.1	5.8
VOS	14.8	4,817,820	3	TRUNG TÍNH	2,072	13.6	2.8
VPB	61.6	9,596,250	-4	TIÊU CỰC	152,136	12.2	2.5
VRE	27.3	4,479,220	0	TRUNG TÍNH	62,034	22.8	2.0

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Sản xuất giảm tốc, kinh tế Trung Quốc chịu áp lực

Nền kinh tế số hai thế giới có đợt phục hồi ấn tượng sau đợt suy giảm vì Covid-19 nhưng đà tăng trưởng gần đây dần chững lại do những đợt bùng phát dịch mới. Ngoài ra, nguyên nhân còn đến từ hoạt động xuất khẩu giảm tốc, các biện pháp mạnh tay để kìm giá bất động sản và chiến dịch giảm ô nhiễm carbon. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 8 là 50,1 điểm, giảm so với mức 50,4 điểm của tháng 7, theo số liệu từ cơ quan thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS) hôm nay. Dự báo từ giới phân tích đưa ra trước đó là 50,2 điểm. PMI trên 50 điểm phản ánh sự mở rộng và ngược lại. Một tín hiệu đáng lo ngại về đà phục hồi tiêu dùng chậm của Trung Quốc là PMI dịch vụ tháng 8 giảm sâu nhất kể từ đỉnh dịch Covid-19 hồi tháng 2/2020. PMI phi sản xuất chỉ đạt 47,5 điểm, thấp hơn nhiều so với mức 53,3 điểm của tháng 7, theo NBS.

### Cục Hàng không yêu cầu dừng bán vé nội địa

Cục Hàng không Việt Nam vừa yêu cầu các hãng hàng không trong nước (Vietnam Airlines, VietjetAir, Bamboo Airways, Pacific Airlines, Vietravel Airlines) dừng việc bán vé trên các đường bay nội địa cho đến khi có thông báo mới. Việc này nhằm đảm bảo quyền lợi của khách hàng trong bối cảnh nhiều địa phương như Hà Nội, TP HCM đang giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng để phòng, chống dịch Covid-19. Cục Hàng không còn yêu cầu các hãng hoàn trả tiền cho hành khách theo đúng kênh hành khách đã thực hiện thanh toán vé trên những chuyến bay nội địa được xuất vé từ sau ngày 21/7 cho đến khi có thông báo mới. Trước đó (21/7), cơ quan quản lý yêu cầu hạn chế tối thiểu số lượng các chuyến bay thương mại từ TP HCM và các tỉnh, thành đang thực hiện Chỉ thị 16 về Hà Nội. Những chuyến bay chở khách giữa Cần Thơ, Phú Quốc - Hà Nội và ngược lại đã được yêu cầu tạm dừng khai khác. Đường bay TP HCM - Hà Nội và ngược lại được yêu cầu khai thác tối đa hai chuyến bay chở hành khách.

### SSB: sẽ phát hành 136 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu giá 15.000 đồng/cp

HDQT SeABank (HoSE: SSB) thông qua kế hoạch chào bán 136 triệu cổ phiếu SSB cho cổ đông hiện hữu với giá 15.000 đồng/cp, tương đương với tỷ lệ 10,13%. Nếu thành công, SeABank dự kiến thu về 2.040 tỷ đồng. Ngân hàng sẽ dùng 1.540 tỷ đồng để cho vay khách hàng doanh nghiệp và cá nhân và 500 tỷ sẽ đầu tư trái phiếu tổ chức tín dụng và trái phiếu Chính phủ. Đồng thời, vốn điều lệ của ngân hàng sẽ được bổ sung thêm 1.360 tỷ đồng. Ngân hàng dự kiến thực hiện trong quý III hoặc quý IV năm nay, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vừa qua, SeABank ra thông báo phát hành 23,5 triệu cổ phiếu ESOP với tỷ lệ 1,9244% vốn điều lệ ngân hàng. 7 lãnh đạo SeABank đăng ký mua vào lượng cổ phiếu ESOP đợt này lên tới hơn 6,4 triệu đơn vị.

### ITA: lãi sau soát xét giảm 21%

Công ty Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (HoSE: ITA) vừa công bố BCTC soát xét bán niên với lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 74,6 tỷ đồng, giảm 21% so với báo cáo tự lập. Nguyên nhân do chi phí quản lý tăng mạnh từ 28 tỷ lên 45 tỷ đồng và lợi nhuận khác giảm từ 11 tỷ xuống 2 tỷ đồng. Bên cạnh đó, đơn vị kiểm toán lưu ý đến ngày 30/6, tập đoàn ghi nhận 100% doanh thu toàn bộ thời gian cho thuê lại trên phần đất đã phát triển cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp Tân Tạo - khu mở rộng với tổng diện tích 926.047 m<sup>2</sup> và khu công nghiệp Tân Đức trên tổng diện tích 1,68 triệu m<sup>3</sup>. Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất Nhà nước 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê tương ứng với phần diện tích đã được cho thuê lại theo đơn giá trả tiền thuê đất 1 lần, số tiền này có thể khác với số tiền doanh nghiệp đã trích trước (21 tỷ đồng). Hiện chưa có văn bản hướng dẫn và ban lãnh đạo vẫn trong quá trình làm việc với cơ quan Nhà nước. Ngoài ra, kiểm toán tiếp tục lưu ý khoản đầu tư vào Công ty Đầu tư và Phát triển Năng lượng Tân Tạo (TEDC) và Công ty Năng lượng Tân Tạo 2 (TEC2) với tổng giá trị 2.170 tỷ đồng. Ban giám đốc đang trong quá trình chờ các phê duyệt cần thiết từ cơ quan nhà nước cho việc khởi động dự án Nhiệt điện Kiên Lương.

### TMS: lãi tăng 23% sau soát xét

Theo BCTC soát xét bán niên, Transimex (HoSE: TMS) ghi nhận doanh thu thuần tăng 88% so với nửa đầu năm ngoái, đạt 2.504 tỷ đồng. Riêng doanh thu cước vận tải, vé máy bay và dịch vụ giao nhận hàng hóa chiếm 85%, tương đương 2.135 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ. Dịch vụ kho vận và sà lan cũng đem về hơn 294 tỷ đồng cho công ty, tăng 21%. Lợi nhuận sau thuế đạt 227 tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ và 23% so với báo cáo tự lập. So với kế hoạch năm, doanh nghiệp đã hoàn thành 75% mục tiêu doanh thu

và 68% chỉ tiêu lợi nhuận. Nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận so với báo cáo soát xét chủ yếu đến từ việc giảm 26,4 tỷ đồng chi phí thuế thu nhập hoãn lại. Ngoài ra, doanh thu tài chính tăng gần 51% lên hơn 31 tỷ đồng; phần lãi trong công ty liên kết tăng 8,7% lên gần 105 tỷ đồng. Tính đến 30/6, quy mô tài sản sau soát xét cũng tăng từ 4.241 tỷ lên 4.446 tỷ đồng, tương đương mức tăng hơn 200 tỷ do số liệu tài sản dài hạn cao hơn báo cáo tự lập. Trong đó, khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết tăng 165 tỷ lên 1.476 tỷ đồng. Khoản bất động sản đầu tư cũng chuyển từ âm 4,5 tỷ tại báo cáo tự lập thành dương hơn 50 tỷ đồng. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng tăng từ 14,5 tỷ lên gần 63 tỷ đồng.

**GVR: giảm lãi hơn 100 tỷ sau soát xét**

Theo BCTC soát xét bán niên, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HoSE: GVR) ghi nhận doanh thu 10.543 tỷ đồng, tăng thêm 6 tỷ so với báo cáo tự lập. Giá vốn giảm 12 tỷ nên lợi nhuận gộp tăng 18 tỷ lên 3.043 tỷ đồng. Tuy nhiên, chi phí tài chính tăng thêm 108 tỷ đồng lên 298 tỷ đồng đã khiến cho lợi nhuận thuần giảm 102 tỷ xuống 2.235 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm 86 tỷ xuống 1.578 tỷ đồng. Theo thuyết minh, doanh nghiệp ghi nhận khoản hoàn nhập lên đến 286 tỷ đồng từ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, kinh doanh chứng khoán. Song trên báo cáo soát xét khoản mục này chỉ được hoàn nhập 6 tỷ đồng. Mặt khác, khoản chi phí tài chính khác giảm từ 175 tỷ đồng về 1,8 tỷ đồng.

**HVN: Điều chỉnh chi phí khấu hao và bảo dưỡng, Vietnam Airlines vẫn âm 2.750 tỷ đồng vốn chủ sở hữu**

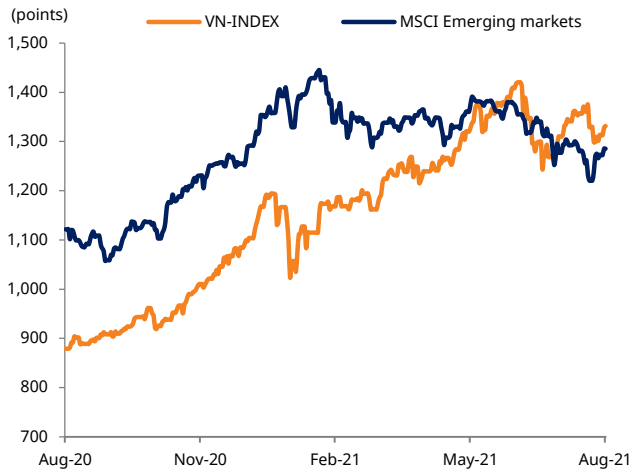
Vietnam Airlines (HoSE: HVN) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý II với doanh thu thuần tăng 9% lên gần 6.537. Các chi phí cố định lớn khiến doanh nghiệp bị lỗ gộp hơn 3.497 tỷ đồng, cao hơn mức lỗ 2.865 tỷ cùng kỳ năm trước. Doanh thu tài chính giảm 84% xuống 141,5 tỷ đồng, chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá giảm 82% về còn 131 tỷ đồng. Lãi tiền gửi, tiền cho vay bằng 1/5 cùng kỳ, ở mức 10,5 tỷ đồng. Tổng công ty cũng giảm được đáng kể chi phí bán hàng và chi phí tài chính, song chi phí quản lý phát sinh trong kỳ gần 454 tỷ đồng, tăng 76% so với quý II năm ngoái. Ngoài ra, kỳ này không ghi nhận khoản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định như cùng kỳ, dẫn đến lợi nhuận khác còn hơn 5,2 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng và trực tiếp đến ngành hàng không toàn cầu. Doanh thu cung cấp dịch vụ của Vietnam Airlines giảm đến 11,3%, tương đương 544,7 tỷ đồng. Không chỉ hoạt động kinh doanh của công ty mẹ giảm, lợi nhuận của các công ty con có liên quan đến dịch vụ cung cấp hàng không cũng giảm như Veaco, Nasco...

**VGI: Lợi nhuận trước thuế nửa đầu năm sau soát xét đạt 1.098 tỷ đồng**

Viettel Global (UPCOM: VGI) vừa công bố kết quả kinh doanh hợp nhất bán niên năm 2021 đã được kiểm toán soát xét. Theo đó trong 6 tháng đầu năm, Viettel Global đạt doanh thu hợp nhất là 9.799 tỷ đồng, tăng 1.174 tỷ (13,6%) so với cùng kỳ năm trước. Lãi gộp của công ty này tăng 19% lên 3.885 tỷ đồng, tương ứng tỷ suất lãi gộp trên doanh thu đạt xấp xỉ 40%. Hoạt động tài chính có sự khởi sắc đáng kể so với cùng kỳ khi doanh thu tài chính tăng hơn gấp 3 lần từ 716 tỷ lên 2.258 tỷ đồng còn chi phí tài chính giảm gần 400 tỷ xuống còn 1.000 tỷ đồng. Trừ đi các chi phí, Viettel Global đạt xấp xỉ 1.098 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong 6 tháng đầu năm – tăng 10 tỷ so với số liệu trước soát xét – và giảm nhẹ so với kết quả 1.182 tỷ đồng của cùng kỳ.

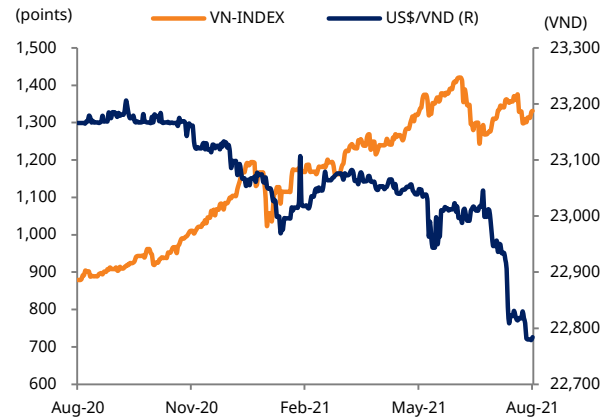


**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



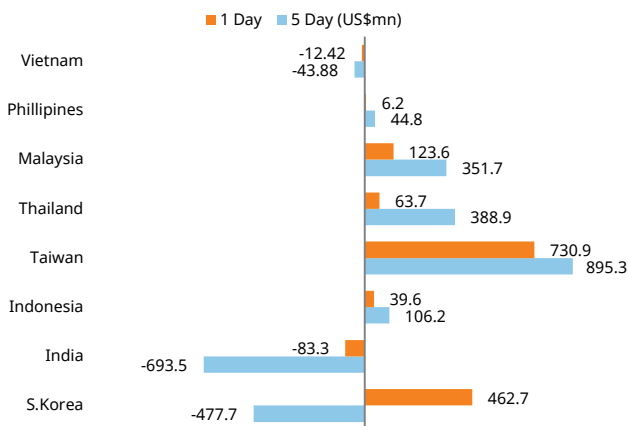
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



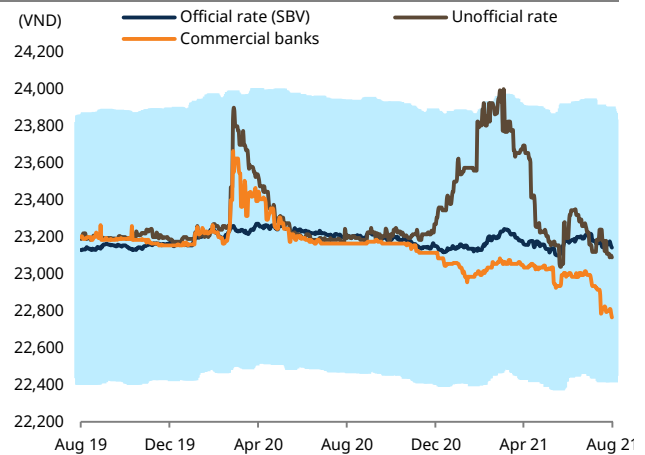
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



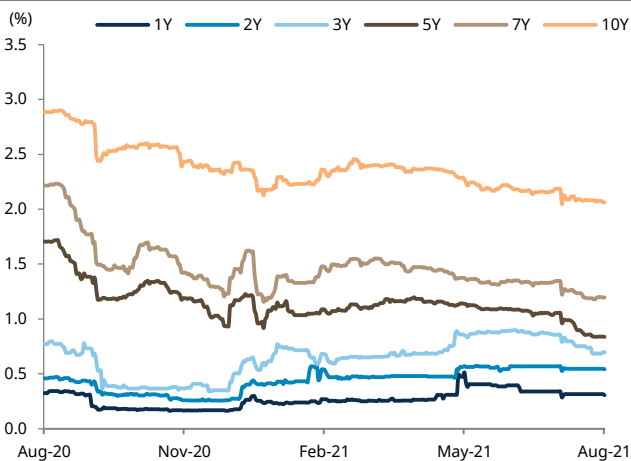
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



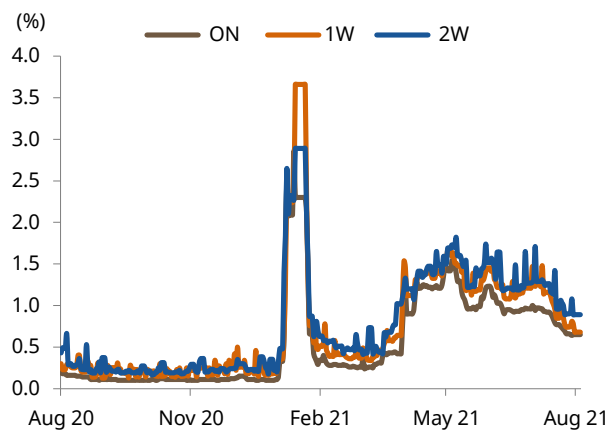
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,428.66</b>	<b>3,732,787</b>		<b>-0.2</b>	<b>0.7</b>	<b>-1.3</b>	<b>73.4</b>	<b>13.4</b>	<b>11.5</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>38.2</b>	<b>16.3</b>	<b>22.6</b>	<b>20.7</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,000	86,462	30.0	-0.5	-0.9	-11.5	88.7	8.7	7.1	1.9	1.5	31.5	22.3	25.3	24.3
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	38,950	156,658	16.7	-1.3	-1.1	-5.2	-4.9	14.7	10.3	1.8	1.7	83.6	42.8	13.5	17.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,000	42,312	27.0	3.6	8.4	11.5	14.2	24.7	21.9	2.0	1.9	10.1	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	31,800	152,823	24.4	-1.5	-2.9	-7.6	59.7	9.1	7.3	1.7	1.4	22.2	25.2	18.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	92,400	83,850	49.0	0.2	0.5	-1.7	114.7	20.8	17.7	4.4	4.0	23.9	17.7	23.9	25.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	89,400	171,107	2.5	2.2	4.0	-0.2	20.6	19.3	15.1	3.5	3.2	14.8	28.4	18.4	21.7
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	38,750	155,000	0.6	3.1	14.0	15.0	227.0	33.3	30.4	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	25,950	51,698	18.4	-2.8	-3.7	-3.7	88.8	9.4	7.8	1.8	1.5	29.3	20.2	21.5	20.9
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	49,300	220,515	26.3	1.2	3.2	4.2	171.1	7.5	7.5	2.4	1.8	130.4	0.5	39.2	28.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,750	24,768	30.4	0.6	4.6	-2.3	79.6	22.7	16.2	2.6	2.2	-6.5	39.8	12.9	15.8
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	27,900	105,415	22.5	-1.8	-2.3	-3.5	143.5	8.9	7.4	1.6	1.3	42.6	20.6	22.1	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	135,000	159,372	33.2	1.8	5.1	0.7	145.5	49.6	28.3	8.1	6.4	158.1	75.2	14.3	22.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	111,000	79,133	49.0	0.4	3.7	1.5	78.3	16.2	12.7	3.7	3.1	18.8	27.9	25.1	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,400	153,844	9.3	0.4	-1.0	0.4	124.5	35.8	25.8	4.4	4.1	-0.3	38.6	16.0	14.5
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	87,900	42,787	3.6	2.8	2.2	-5.0	308.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,700	61,818	17.7	0.3	1.8	-3.1	-5.3	18.0	15.2	2.5	2.5	303.1	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	86,000	19,554	49.0	-0.5	-2.6	-10.2	43.3	18.2	14.5	3.3	2.9	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,850	27,751	3.0	-0.8	12.3	10.7	17.9	13.2	10.5	0.9	0.8	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	150,000	96,192	62.5	1.9	5.3	-5.7	-21.7	22.3	18.7	4.1	3.4	-5.7	19.0	21.2	21.8
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	61,800	40,474	47.0	-1.0	1.0	13.2	314.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,350	51,561	16.0	-2.0	0.4	-8.5	144.2	18.8	13.8	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	48,500	169,988	22.5	-1.4	-1.0	-5.1	127.7	10.1	8.4	1.9	1.5	36.3	20.4	20.5	20.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	34,100	36,544	30.0	-1.6	0.1	-2.6	85.2	7.6	6.2	1.6	1.3	32.4	21.4	23.7	22.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,400	368,662	23.5	0.1	2.5	1.4	19.8	16.7	14.0	3.2	2.6	33.3	19.3	21.1	20.9
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	106,400	356,388	23.5	-0.5	-0.8	-1.8	35.5	11.3	10.0	3.1	2.4	13.0	12.9	28.3	27.0
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	94,100	358,071	14.8	0.0	-1.4	-1.2	17.6	59.9	58.6	4.0	3.7	4.5	2.3	7.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	126,500	68,514	18.0	-0.3	3.0	11.9	22.8	168.7	25.8	3.7	3.0	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,400	182,662	54.9	0.0	1.3	1.5	-13.3	18.3	16.9	5.6	5.5	0.2	8.1	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,600	152,136	15.4	0.0	1.0	1.0	163.8	9.7	10.0	1.9	1.5	48.2	-3.1	23.6	16.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,300	62,034	29.7	0.4	4.4	-1.3	1.1	25.8	19.0	2.0	1.8	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>3.33</b>	<b>5,008,383</b>	<b>0.3</b>	<b>2.5</b>	<b>1.6</b>	<b>51.0</b>	<b>15.1</b>	<b>12.5</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>38.1</b>	<b>21.0</b>	<b>19.7</b>	<b>19.2</b>
Ô tô và phụ tùng	0.03	9,223	1.3	7.0	9.5	70.8	7.7	6.7	1.4	1.3	27.6	13.9	12.3	12.8
Ngân hàng	-3.54	1,559,768	-0.8	1.2	-3.7	60.6	12.2	9.8	2.0	1.7	40.1	23.6	19.5	19.4
Xây dựng cơ bản	0.79	197,654	1.6	6.0	14.8	94.4	8.1	6.8	1.7	0.5	12.9	24.7	7.7	8.2
Dịch vụ thương mại	-0.01	5,207	-0.6	3.2	11.7	34.6	7.8	6.1	NA	NA	10.8	39.0	9.6	12.7
May mặc và trang sức	-0.07	43,170	-0.6	1.2	0.0	115.5	13.0	10.6	2.4	2.1	22.3	24.6	15.7	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	8,510	-0.1	1.4	6.4	40.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-0.32	110,033	-1.0	3.0	22.0	285.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Năng lượng	0.19	80,906	0.9	3.2	0.8	15.1	23.2	14.8	2.2	2.1	NA	43.9	13.9	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.30	537,798	0.9	1.3	1.3	40.9	26.1	17.7	5.1	4.4	56.6	33.4	20.0	22.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.02	1,804	4.2	17.8	148.7	168.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,837	0.0	1.3	-3.4	0.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.41	51,839	3.0	8.4	11.6	21.0	21.2	18.1	1.8	1.6	15.5	12.8	7.8	7.5
Nguyên vật liệu	2.43	538,913	1.7	5.7	12.0	183.0	67.5	14.3	1.3	1.0	99.0	0.6	24.4	19.0
Giải trí và truyền thông	0.00	1,317	1.3	1.6	-1.8	-27.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.07	40,531	1.0	4.9	15.9	27.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	1.48	1,184,698	0.7	11.5	16.0	32.4	10.2	8.9	1.7	1.5	3.9	14.4	8.9	9.2
Bán lẻ	0.08	88,568	0.5	1.8	0.8	63.1	46.3	24.7	2.9	6.4	13.9	NA	14.3	14.3
Phần mềm và dịch vụ	0.10	90,127	0.3	2.8	2.0	73.1	15.6	12.0	3.3	2.8	37.8	29.3	22.0	23.6
Thiết bị và phần cứng	0.03	7,664	0.4	1.4	0.1	111.6	19.4	16.5	4.1	3.7	27.4	17.6	22.3	23.4
Dịch vụ viễn thông	0.02	1,569	1.6	0.8	16.5	278.6	17.5	14.1	4.9	3.8	59.5	24.0	31.5	25.8
Vận tải	-0.48	184,553	3.9	11.6	17.1	286.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.81	260,971	-0.9	0.5	9.4	50.9	72.7	13.6	20.4	1.7	NA	NA	-51.9	19.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	38,750	3.1	9,613,400	1.2
GAS VN	89,400	2.2	878,800	1.0
MSN VN	135,000	1.8	3,127,300	0.8
HPG VN	49,300	1.2	25,872,600	0.7
BCM VN	46,900	5.4	328,400	0.7
SAB VN	150,000	1.9	162,700	0.5
BVH VN	57,000	3.6	2,580,900	0.4
PDR VN	87,900	2.8	3,577,000	0.3
KBC VN	42,600	6.1	25,984,800	0.3
NVL VN	104,400	0.4	2,367,900	0.2

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
TCB VN	48,500	-1.4	7,773,900	-0.7
CTG VN	31,800	-1.5	12,240,800	-0.7
BID VN	38,950	-1.3	1,814,800	-0.5
MBB VN	27,900	-1.8	10,363,400	-0.5
VHM VN	106,400	-0.5	10,567,000	-0.5
HDB VN	25,950	-2.8	1,949,100	-0.4
STB VN	27,350	-2.0	11,977,600	-0.3
HVN VN	21,100	-1.9	586,800	-0.2
TPB VN	34,100	-1.6	1,914,500	-0.2
ACB VN	32,000	-0.5	5,528,600	-0.1

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.